

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 7 - 2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thay;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Tổ 6, ấp T, xã L, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc M sống chung với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do ông M thường gây gổ, xô xát với bà. Hiện tại, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M. Về con chung bà và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 07/7/1999 và Nguyễn Thị Ngọc H,

sinh ngày 30/12/2005, 02 con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết.
Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A đối với ông Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 07/7/1999 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2005, 02 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Ngọc M chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vào ngày 02 tháng 11 năm 1998, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa, bà A yêu cầu ly hôn, ông M yêu cầu được đoàn tụ vì còn tình cảm với bà Ám.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà A và ông M phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường gây gổ, xô xát với bà A. Bà A trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung được nên yêu cầu ly hôn.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 02 tháng 5 năm 2024 (bút lục số 17) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà A, ông M là ông M thường xuyên xô

xác với bà A, hiện tại mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông M là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà A được ly hôn với ông M.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Ngọc M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 07/7/1999 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2005, 02 con chung đã trưởng thành, bà A, ông M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà A, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị A với ông Nguyễn Ngọc M.
2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị A với ông Nguyễn Ngọc M có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 07/7/1999 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2005, 02 con chung đã thành niên nên Tòa án không đặt ra giải quyết.
3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số 0005897 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận, bà A đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Ngọc M có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã L, H. Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan